

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 25/4/2022.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Thái.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Vàm Rầy, xã BS, huyện HD, tỉnh KG

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Vàm Rầy, xã BS, huyện HD, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày như sau:***

- ***Về hôn nhân:*** Chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương nhau thì bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000,

anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 3 năm gần đây thì giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện tại chị H và anh T đã ly thân hơn 03 năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- *Về con chung*: Chị H khai rằng, chị và anh T có ba người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Lê Quốc Kiệt, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 29/6/2016. Ly hôn chị H đồng ý giao cháu Kiệt và cháu Trân cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Hiếu đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị và anh T đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày*:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ngọc H được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000, từ đó anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh và chị H có phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên anh và chị H thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại anh và chị H đã sống ly thân với nhau, nhưng anh vẫn còn thương gia đình và không muốn ly hôn. Tuy nhiên, anh nhận thấy chị H không còn muốn tiếp tục chung sống với anh nữa nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Anh thống nhất anh và chị H có ba người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Lê Quốc Kiệt, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 29/6/2016 là đúng. Anh T đồng ý nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành. Riêng cháu Hiếu đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh T và chị H đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T cư trú tại ấp Vàm Rầy, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2000. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Chị H và anh T đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Lê Quốc Kiệt, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 29/6/2016. Hiện cháu Hiếu đã trưởng thành nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với cháu Kiệt và cháu Trân; hiện đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung.

Xét yêu cầu của anh T; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; khi anh và chị H sống ly thân với nhau thì các con đều được anh T trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời theo yêu cầu nuôi con của anh T cũng được chị H đồng ý. Hơn nữa, cũng theo nguyện vọng của cháu Kiệt là xin được ở cùng với cha (tức là anh T) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tiếp tục giao cháu Kiệt và cháu Trân cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.5] *Về nợ chung*: Chị H và anh T đều xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Nguyễn Lê Quốc Kiệt, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 29/6/2016 cho anh Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Đối

với cháu Nguyễn Thị Ngọc Hiếu, sinh ngày 13/11/2002 đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Tường không yêu cầu.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh T nuôi con, chị H được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001550 ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H không phải nộp thêm, anh Nguyễn Ngọc T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Diệp

